TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BĐ
TỈNH BP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2017
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Nguyễn Đăng Bảy.
2. Bà Đỗ Thị Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên toà: Ông Lương Xuân Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 395/2016/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2016. Về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dìn Ửng Múi; Sinh năm 1963.
Địa chỉ: Thôn B, xã NB, huyện BĐ, tỉnh BP.
- Bị đơn: Ông Châu Ngọc P; Sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn B, xã NB, huyện BĐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Dìn Ửng Mtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2004, đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông P không thống nhất được với nhau trong công việc gia đình; Ngoài ra, bà M nghi ngờ ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng nhau; Từ khoảng tháng 7/2016 ông bà sống ly thân cho đến nay, không hàn gắn được tình cảm, nên xin Tòa giải quyết cho ly hôn với ông P.

Bà và ông P có 01 con chung là Châu Thị Bảo L, sinh ngày 19/11/2005; Bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, yêu

cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng chon con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con chung thành niên;

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn Châu Ngọc P: Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2017 ông P trình bày ông đồng ý ly hôn với bà Dìn Ửng M; đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con thành niên; ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ: Về tố tụng, việc Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, đề nghị giao con chung cho bà M nuôi dưỡng.

Căn cứ Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận kết hôn; 02 biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã NB; lới khai của ông P và bà M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ông P và bà M tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc; Bà M và ông P có 01 con chung là Châu Thị Bảo L, sinh ngày 19/11/2005 hiện do bà M nuôi dưỡng. Bà M và ông P có mâu thuẫn từ đầu năm 2012, ly thân từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay; Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng nhau, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế gia đình, bà M nghi ngờ ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hai bên thống nhất lý hôn, quyền trực tiếp nuôi con, nhưng ông P không đến Tòa án tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2004, đến năm 2006 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện BĐ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24; Quyển số 02/06 ngày 03/11/2006. Như vậy, hôn nhân giữa bà M và ông P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không thống nhất được với nhau trong công việc gia đình, bà M nghi ngờ ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng nhau; Từ khoảng tháng 7/2016 ông bà sống ly thân cho đến nay, không hàn gắn được tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P bà M là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2017, ông P đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho bà M nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của bà Múi, nhưng ông P không đến Tòa án tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn đơn phương của bà M theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình là phù hợp.

[2] Về nghĩa vụ trực tiếp nuôi con: Bà M và ông P có 01 con chung là Châu Thị Bảo L, sinh ngày 19/11/2005. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với ông P và có đủ điều kiện để nuôi con chung; Cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, nên cần tuyên giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa bà M rút yêu cầu buộc ông P góp tiền nuôi con, nên không tuyên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông P.

[3] Về tài sản, nợ: Bà M và ông P không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[4] Về án phí: Bà Mphải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm vụ án là 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số: 10/2009/PL – UBTVQH ngày 27/2/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn Dìn Ứng M đối với bị đơn Châu Ngọc P. Bà Dìn Ứng M được ly hôn với ông Châu Ngọc P.

Bà Dìn Ứng M có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Châu Thị Bảo L, sinh ngày 19/11/2005; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Dìn Ứng M phải nộp 200.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí bà M đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021065 ngày 23/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BP.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND t. BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ